

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **71/2020/HS-ST**
Ngày: 09-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Lước;
2. Bà Đặng Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Ông Chu Văn Long - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 75/2020/TLST-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2020/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Thị N, sinh năm: 1966, tại tỉnh An Giang, nghề nghiệp: Không; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Khu phố M, thị trấn M, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: Lớp 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn T (đã chết) và bà Huỳnh Thị U, sinh năm 1936 (Còn sống); bị cáo có chồng Nguyễn Phước H (đã ly hôn) và 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1992; tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 29/8/2020 đến ngày 01/9/2020 chuyển sang tạm giam cho đến nay. Có mặt.

- Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Hà L, sinh năm 1975. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Ông Đỗ Văn C, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Thị N là người làm công cho gia đình bà Nguyễn Thị Hà L, ông Đỗ Văn C và đã nghỉ việc từ năm 2018. Ngày 22/8/2020, Lê Thị N đón xe khách đi từ An Giang đến nhà của vợ chồng bà L tại ấp A, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương mục đích để nhờ bà L xin hộ việc làm. Trong thời gian ở tại nhà bà L, N phụ làm công việc nhà. Khoảng 08 giờ 00, ngày 26/8/2020, khi cả nhà bà L và N ăn sáng xong, bà L cùng chồng đi lên rẫy làm việc, ở nhà chỉ còn Lê Thị N, cụ bà Nguyễn Thị By, sinh năm 1935 là mẹ ruột bà L, 02 con bà L, ông C là Đỗ Thị Hà A, sinh năm 2006 và Đỗ Thành C, sinh năm 2008. Khi N vào phòng ngủ của vợ chồng bà L, ông C dọn dẹp thì N nhìn thấy trên góc giường ngủ của bà L có để 01 giỏ xách màu nâu, N mở giỏ xách ra thì nhìn thấy bên trong giỏ xách có 02 quyển Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) và 01 cái bóp (Ví) nữ, N dùng tay kéo dây kéo chiếc bóp thì nhìn thấy bên trong bóp có 01 xấp tiền Polyme mệnh giá 500.000đ. Khi nhìn thấy tiền, N nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền trên để tiêu xài cá nhân nên N lấy hết số tiền trong bóp bỏ vào túi quần đang mặc trên người, sau đó N kéo dây khóa kéo của cái bóp lại, bỏ vào giỏ xách và đặt giỏ xách trở lại vị trí ban đầu. Số tiền chiếm đoạt được, N cất vào 01 túi ny lon màu xanh gói lại rồi mang ra phía sau nhà bà L (nơi gia đình thường xuyên đổ rác thải) đào đất chôn gói tiền để cất giấu, sau đó N trở vào nhà làm việc bình thường. Ngày 27/8/2020 bà L kiểm tra lại giỏ xách thì phát hiện số tiền 32.000.000 đồng cất trong bóp để trong giỏ xách đã bị mất, bà L hỏi chồng là ông C, 02 con là A và C, cụ B nhưng tất cả đều không ai biết. Nghi ngờ, N là người đã lấy trộm số tiền nói trên nên bà L, ông C gặp N tra hỏi “Nếu có lỡ lấy tiền thì trả lại cho bà L, ông C, ông bà sẽ cho N 5.000.000đ và đưa N ra xã Đ để đón xe về quê” nhưng N không thừa nhận nên bà L đã có đơn trình báo việc bị mất tiền đến Công an xã T, huyện B.

Quá trình điều tra, Lê Thị N đã thừa nhận là người trộm cắp toàn bộ số tiền 32.000.000đ của bà L, ông C để cất giấu sau nhà nhằm mục đích chiếm đoạt tiêu xài cá nhân. Lê Thị N đã chỉ ra vị trí cất giấu tiền trộm được của bà L, ông C nên Cơ quan Điều tra đã thu hồi được toàn bộ số tiền 32.000.000đ do N trộm cắp mà có. Ngày 31/8/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã khởi tố vụ án, khởi tố bị can, và ra lệnh tạm giam đối với Lê Thị N để điều tra về hành vi Trộm cắp tài sản đồng thời đã xử lý vật chứng trả lại toàn bộ số tiền tang vật 32.000.000đ cho vợ chồng bà L, ông C.

Tại bản Cáo trạng số 73/CT-VKS-BTU ngày 05/11/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lê Thị Nhấn về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị N mức án từ 12 đến 15 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự: Cơ quan Cảnh sát điều tra đã xử lý trả lại số tiền tang vật 32.000.000đ cho các bị hại L và C đã xong, bà L, ông C không có yêu cầu nào khác nên không đặt ra.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị Hà L xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo do bị cáo nhất thời phạm tội.

Bị cáo Lê Thị N thừa nhận tội danh, mức hình phạt, điều luật áp dụng, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ do đại diện Viện Kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là đúng người, đúng tội nên không tranh luận gì khác.

Bị cáo nói lời sau cùng xin Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, Kiểm sát viên: Quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi và quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đều hợp pháp. Bị hại Đỗ Văn C vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, đại diện Viện Kiểm sát và bị cáo đều không yêu cầu Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa do vắng mặt bị hại C. Xét thấy, việc vắng mặt của bị hại Đỗ Văn C không ảnh hưởng đến kết quả xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt ông C.

[2] Về tính chất mức độ của hành vi của bị cáo khi thực hiện việc phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng truy tố. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, biên bản hỏi cung bị can, biên bản xác định hiện trường và những chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, có đủ cơ sở kết luận: Ngày 26/8/2020, bị cáo Lê Thị N đã có hành vi lên lút chiếm đoạt số tiền 32.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Hà L và ông Đỗ Văn C nhằm mục đích sử dụng cho cá nhân bị cáo. Hành vi trên đây của bị cáo đã hội đủ các yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do vậy, Cáo trạng số 73/CT-VKS-BTU ngày 05/11/2020 của VKSND huyện Bắc Tân Uyên đã truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ, gây tâm lý hoang mang, lo sợ cho người có tài sản giá trị, đồng thời xâm phạm đến an toàn trật tự công cộng, ảnh hưởng đến các hoạt động bình thường của mọi công dân, là nguyên nhân gây xáo trộn, hoài nghi lẫn nhau trong nội bộ gia đình của người bị mất tài sản. Nghĩ cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm đối với bị cáo, nên cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là cần thiết đủ để có tác dụng răn đe, cải tạo bị cáo ý thức pháp luật và có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành

người tốt có ích cho gia đình và xã hội đồng thời ngăn ngừa tội phạm chung trong xã hội. Do vậy, việc bị cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên áp dụng điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, bị hại bà Nguyễn Thị Hà L và ông Đỗ Văn C xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4] Mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp nên chấp nhận.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền 32.000.000 đồng do Lê Thị N lấy trộm ngày 26/8/2020. Cảnh sát điều tra Công an huyện Bắc Tân Uyên đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho bà Nguyễn Thị Hà L theo quy định tại khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự là đúng nên không đặt ra xem xét.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nào khác nên không đặt ra.

[7] Về án phí Hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Thị N phải nộp theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 331 và khoản 1 Điều 333;

Áp dụng Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Lê Thị N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lê Thị N 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/8/2020.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

3. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đã xử lý xong.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Lê Thị N phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

5. Bị cáo và bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- PV27, Công an tỉnh Bình Dương (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Công an huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Chi cục THADS huyện Bắc Tân Uyên (01);
- Bị cáo Lê Thị N (01);
- Bị hại (02);
- Lưu: HS, VT (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Thanh